

Số: 33 /QĐ-UBND

Ngọc Đường, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGỌC ĐƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã về Phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 đã được Hội đồng nhân dân xã Ngọc Đường quyết định (*Chi tiết các biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng Giao dịch số 20 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII; Giám đốc Trung tâm dịch vụ công và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Ban KTXH - HĐND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Thắng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã Quyết định)**(Kèm theo Quyết định số: 33/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND xã Ngọc Đường)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026
A	TỔNG THU NSDP	83.981,80
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	3.088,00
1	Thu NSDP hưởng 100%	2.515,00
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	573,00
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	80.893,80
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	72.960,60
2	Thu bổ sung có mục tiêu	7.933,20
B	TỔNG CHI NSDP	83.981,80
I	Tổng chi cân đối NSDP	76.048,60
1	Chi đầu tư phát triển	1.659,00
2	Chi thường xuyên	72.868,60
3	Dự phòng ngân sách	1.521,00
II	Chi bổ sung có mục tiêu	7.933,20
1	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	6.854,20
2	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện chương trình, nhiệm vụ (từ thu tiền sử dụng đất)	1.079,00

Biểu số 02

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã Quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: 33/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND xã Ngọc Đường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026		
		Tổng số	Trong đó:	
			Thu ngân sách TW, tỉnh hưởng	Thu NSDP (xã) được hưởng
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG THU NSNN	3.282,00	194,00	3.088,00
I	Thu nội địa	3.282,00	194,00	3.088,00
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	260,00	115,00	145,00
	- Thuế GTGT	240,00	115,00	125,00
	- Thu khác	20,00	-	20,00
1.1	Thu từ các DN và tổ chức kinh doanh	250,00	115,00	135,00
	- Thuế GTGT	230,00	115,00	115,00
	- Thu khác	20,00	-	20,00
1.2	Thu từ hộ gia đình và cá nhân kinh doanh	10,00	-	10,00
	- Thuế GTGT	10,00	-	10,00
	- Thu khác	-	-	-
2	Thuế thu nhập cá nhân	450,00		450,00
3	Lệ phí trước bạ	2.000,00		2.000,00
4	Thu phí, lệ phí	25,00		25,00
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20,00		20,00
6	Thu tiền sử dụng đất	527,00	79,00	448,00
II	Thu viện trợ, huy động, đóng góp			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã Quyết định)**(Kèm theo Quyết định số: 33/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND xã Ngọc Đường)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026
	TỔNG CHI NSDP	83.981,80
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	76.048,60
I	Chi đầu tư phát triển (1)	1.659,00
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.659,00
1.1	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi khoa học và công nghệ	
1.2	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	1.659,00
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	448,00
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	1.211,00
II	Chi thường xuyên (1)	72.868,60
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	39.232,70
2	Chi khoa học và công nghệ	100
3	Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
V	Dự phòng ngân sách	1.521,00
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	7.933,20
1	Các chương trình mục tiêu	6.854,20
2	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện chương trình, nhiệm vụ (từ thu tiền sử dụng đất)	1.079,00

Ghi chú:(1) Trong đó: Số tiết kiệm chi 10% ngân sách cấp xã thực hiện CCTL năm 2026: **595 triệu đồng.**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã Quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: 33/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND xã Ngọc Đường)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác
						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi sự nghiệp	
A	B	1=2+3+4+5+8	2	3	4	5=6+7	6	7	8
	TỔNG CỘNG (I+...+IV):	83.981,80	1.659,00	72.868,60	1.521,00	0,00	0,00	0,00	7.933,20
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	73.893,01	0,00	67.038,81	0,00	0,00	0,00	0,00	6.854,20
1	Văn phòng Đảng ủy (Bao gồm Các Ban XD Đảng; Cơ quan UBKT ĐU xã)	6.495,88		6.495,88					
2	Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc xã	2.860,97		2.860,97					
3	Văn phòng HĐND và UBND (Bao gồm HĐND xã; Trung tâm phục vụ hành chính công xã; hỗ trợ Công an xã + Quân sự xã + Trạm Y tế xã)	10.101,15		10.101,15					
4	Phòng Kinh tế	3.455,42		3.282,42					173,00
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	11.471,92		8.776,32					2.695,60
6	Trung tâm dịch vụ công	1.467,34		1.467,34					
7	Trung tâm học tập cộng đồng	25,00		25,00					
8	Trường Mầm non Ngọc Đường	6.939,11		6.588,53					350,58
9	Trường Tiểu học Ngọc Đường	8.682,57		8.331,99					350,58

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác
						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi sự nghiệp	
10	Trường Mầm non Yên Định	5.628,24		5.245,44					382,80
11	Trường Tiểu học Yên Định	10.957,98		9.277,55					1.680,43
12	Trường THCS Yên Định	5.807,43		4.586,22					1.221,21
II	KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ NHIỆM VỤ PTKTXH	4.964,79		4.964,79					
III	CHI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XDCB	2.738,00	1.659,00						1.079,00
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	1.521,00			1.521,00				
V	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	270,00		270,00					
VI	KINH PHÍ THỰC HIỆN TIẾT KIỆM 10% NGÂN SÁCH XÃ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	595,00		595,00					



DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã Quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: 33/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND xã Ngọc Đường)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi khoa học và công nghệ	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi HD của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác ngân sách	Chi cải cách tiền lương
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG (I+II):	72.868,60	39.232,70	1.077,78	742,76	188,10	200,00	100,00	500,00	2.504,10	0,00	424,00	22.983,41	4.474,75	270,00	595,00
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	67.038,81	35.735,33	1.077,78	742,76	188,10	200,00	100,00	500,00	2.504,10	0,00	424,00	21.515,99	4.474,75	0,00	0,00
1	Văn phòng Đảng ủy (Bao gồm Các Ban XD Đảng; Cơ quan UBKT ĐU xã)	6.495,88											6.495,88			
2	Ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc	2.860,97											2.860,97			
3	Văn phòng HĐND và UBND (Bao gồm HĐND xã; Trung tâm phục vụ hành chính công xã; Quân sự xã)	10.101,15		1.077,78	742,76								8.280,61			
4	Phòng Kinh tế	3.282,42							500,00	1.236,76		424,00	1.545,66			
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	8.776,32	1.705,60			188,10		100,00					2.307,87	4.474,75		
6	Trung tâm dịch vụ công	1.467,34					200,00			1.267,34						
7	Trung tâm học tập cộng đồng	25,00											25,00			
8	Trường Mầm non Ngọc Đường	6.588,53	6.588,53													
9	Trường Tiểu học Ngọc Đường	8.331,99	8.331,99													
10	Trường Mầm non Yên Định	5.245,44	5.245,44													
11	Trường Tiểu học Yên Định	9.277,55	9.277,55													
12	Trường THCS Yên Định	4.586,22	4.586,22													
II	KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ NHIỆM VỤ PTKTXH	5.234,79	3.497,37										1.467,42		270,00	0,00
III	KINH PHÍ THỰC HIỆN TIẾT KIỆM 10% NGÂN SÁCH XÃ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	595,00	0,00													595,00